TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/11/2019
Về việc: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lều Văn Khế;
2. Bà Nguyễn Thị Hệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H *tham gia phiên tòa:* Bà Đào Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 123/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/8/2019 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 22/11/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1987 - Có mặt.
HKTT: Thôn ĐT, xã BK, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
Địa chỉ: Số OP, đường MĐ, quận NL, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Tạ Văn Th, sinh năm 1986 - Vắng mặt.
Trú tại: Thôn ĐT, xã BK, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Cháu Tạ Trần Yến Nh, sinh ngày 04/10/2009.
- Cháu Tạ Tiến Đ, sinh ngày 12/9/2013.
- Cháu Tạ Tiến S, sinh ngày 12/6/2015

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã BK, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho các cháu Nh, Đ, S: Chị Trần Thị Thu H, anh Tạ Văn Th - Bố mẹ đẻ các cháu.

Người làm chứng:
1. Bà Vũ Thị G- Có mặt.
Địa chỉ: Số OP, đường MĐ, quận NL, thành phố Hà Nội.

2. Ông Tạ Văn T- Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn ĐT, xã BK, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bầy:

Chị Trần Thị Thu H và anh Tạ Văn Th đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã BK, thành phố H năm 2005 trên cơ sở được tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn chị H đi chợ bán hoa quả, anh Th làm nghề ép cọc bê tông được một thời gian thì nghỉ. Vợ chồng chị H ở cùng với bố mẹ anh Th được khoảng 03 năm thì bố mẹ anh Th làm trang trại chăn nuôi và trồng cây nên ông bà ở riêng, vợ chồng chị H ở lại nhà. Quá trình chung sống chị H phát hiện anh Th có quan hệ ngoại tình bên ngoài nhưng chị H đều bỏ qua. Đến năm 2016 anh Th lại tiếp tục có quan hệ ngoại tình nên tình cảm vợ chồng càng rạn nứt. Bố mẹ anh Th có biết việc anh Th ngoại tình nhưng ông bà nói tính Th nó vậy. Cũng năm 2016 chị H đưa hai cháu nhỏ lên Hà Nội ở, còn cháu lớn ở cùng ông bà nội đến hè năm 2019 thì chị H đón lên ở cùng. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, anh Th ở nhà làm gì thì chị không biết. Trong thời gian mẹ con chị ở Hà Nội thì anh Th hầu như không quan tâm đến mẹ con chị cả về vật chất, lẫn tinh thần. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh Th nữa nên chị H đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn anh Th.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Tạ Trần Yến Nh, sinh ngày 04/10/2009, Tạ Tiến Đ, sinh ngày 12/9/2013, Tạ Tiến S, sinh ngày 12/6/2015. Cả ba cháu hiện đang ở cùng chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi cả ba cháu và yêu cầu anh Th đóng góp tiền nuôi ba cháu là 6.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

- Về nợ chung: Khoảng 3 năm gần đây vợ chồng chị có vay của Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh Hưng Yên số tiền 12.000.000 đồng. Khi làm đơn ly hôn chị H không đề nghị giải quyết vì hàng tháng chị H vẫn trả nợ theo quy định. Ngày 25/9/2019 chị H đã trả hết toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi còn lại là 9.177.383 đồng. Hiện tại vợ chồng chị H không còn khoản nợ chung nào nữa, chị H cũng không yêu cầu giải quyết đối với khoản tiền chị H đã trả nợ.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 26/9/2019 bị đơn anh Tạ Văn Th trình bầy:

Vợ chồng anh Tạ Văn Th và chị Trần Thị Thu H kết hôn với nhau từ năm 2005 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã BK, thành phố H. Khi kết hôn thì chị H bán hoa quả ở chợ DL, BK còn anh Th làm nghề tự do. Quá trình chung sống, vợ chồng anh Th xảy ra mâu thuẫn do chị H nghi ngờ anh Th có quan hệ ngoại tình nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Đến năm 2016 chị H đưa hai cháu nhỏ lên Hà Nội sống, đến hè năm 2019 chị H đón nốt cháu lớn lên ở cùng. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Anh Th nhiều lần tìm chị H để đưa các con về chung sống nhưng chị H không nghe. Anh Th không muốn vợ chồng ly hôn vì còn các con nhưng nếu chị H quyết tâm ly hôn thì anh Th đề nghị giải quyết theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh Th đồng ý với nguyện vọng của chị H, giao cả ba con chung cho chị H nuôi dưỡng để các cháu ổn định việc học tập. Anh Th nhất trí đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng, một cháu, một tháng.

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay của Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh Hưng Yên số tiền 12.000.000 đồng theo dự án nước sạch của địa phương. Nay chị H đã trả hết toàn bộ số nợ này và tự nguyện không yêu cầu giải quyết, anh Th không có ý kiến gì. Ngoài ra vợ chồng anh Th không còn khoản nợ chung nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Tạ Trần Yến Nh trình bầy:

Từ nhỏ cháu ở cùng bố mẹ. Khi cháu học lớp 1 cho đến nghỉ hè để bước sang lớp 5 thì cháu ở với bố, còn mẹ và hai em cháu ở Hà Nội, nghỉ hè mẹ đón cháu và xin cho cháu học ở Hà Nội. Khi cháu ở cùng bố thì cháu thấy bố mẹ hay cãi nhau, còn vì sao thì cháu không biết. Thời gian cháu ở với bố thì mẹ có về thăm xong lại đi ngay, không ở lại lâu. Cháu không thấy bố nói vì sao mẹ không ở với bố con cháu, cháu chỉ biết mẹ đi làm ở Hà Nội, còn bố ở nhà. Khi cháu ở với bố thì có hôm bố đưa cháu đi học, còn lại là chị họ cháu đưa đi học, cháu về nhà tự học và tự tắm giặt. Hàng ngày cháu ăn cơm ở nhà chị, ít khi ăn cùng bố vì bố đi làm suốt. Ông bà nội ở nhà khác, không ở cùng cháu. Nay mẹ cháu xin ly hôn bố, cháu xin ở với mẹ để trông em cho mẹ đi làm.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập để hòa giải nhưng anh Th không đến nên không thể tiến hành hòa giải được.

Phiên tòa ngày 20 tháng 11 năm 2019, bị đơn anh Tạ Văn Th vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như đã nêu trên.

* Bị đơn anh anh Tạ Văn Th vắng mặt không có lý do.

* Quan điểm của đại diện VKSND thành phố H:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố H đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, xác định đầy đủ, đúng các nội dung quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật lệ phí Tòa án số 97 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX:

+ Về hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn anh Th.

+ Về con chung: Giao các cháu Tạ Trần Yến Nh, sinh ngày 04/10/2009, Tạ Tiến Đ, sinh ngày 12/9/2013, Tạ Tiến S, sinh ngày 12/6/2015 cho chị Trần Thị

Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Tạ Văn Th đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng, một cháu, một tháng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Không đề nghị giải quyết.

+ Về án phí: Chị H và anh Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Thu H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Tạ Văn Th, sinh năm 1986, HKTT: Thôn ĐT, xã BK, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

Bị đơn anh Tạ Văn Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Th theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Tạ Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã BK, thị xã H nay là thành phố H, tỉnh Hưng Yên ngày 14/11/2005, như vậy hôn nhân giữa chị H và anh Th là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H: Theo chị H thì sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do anh Th có quan hệ ngoại tình. Chị H đã bỏ qua nhiều lần nhưng anh Th vẫn tiếp tục ngoại tình dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Bản thân anh Th cũng xác nhận nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do chị H nghi ngờ anh Th ngoại tình. Tuy nhiên theo ông Tạ Văn T - bố đẻ anh Th, bà Vũ Thị G - mẹ đẻ chị H và ông Nguyễn Khắc Hải - Trưởng thôn Đoàn Thượng thì không ai nắm được nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh Th, Ông Hải và ông Tcũng không nghe thấy có việc anh Th ngoại tình. Như vậy việc chị H cho rằng anh Th ngoại tình là không có căn cứ, việc này đã làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Việc này được cháu Yến Nhi cung cấp: "Khi cháu ở cùng bố thì cháu thấy bố mẹ hay cãi nhau, còn vì sao thì cháu không biết". Chị H đã đưa các con lên Hà Nội ở và sống ly thân với anh Th từ năm 2016 cho đến nay. Mặc dù việc mâu thuẫn giữa chị H và anh Th không lớn, nguyên nhân chưa rõ ràng nhưng anh chị đã sống ly thân một thời gian khá dài. Trong thời gian sống ly thân, mặc dù anh Th cũng đã tìm chị H để đưa con về, nhưng khi chị H không đồng ý thì anh Th cũng không tìm những biện pháp nào khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác khi Tòa án tiến hành lấy lời khi thì anh Th không đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ mà có quan điểm nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh Th cũng đồng ý và cũng vắng mặt tại phiên hòa giải không có lý do. Do đó xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh Th đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không

đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị H xin ly hôn anh Th là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Tạ Trần Yến Nh, sinh ngày 04/10/2009, Tạ Tiến Đ, sinh ngày 12/9/2013, Tạ Tiến S, sinh ngày 12/6/2015. Chị H có nguyện vọng được nuôi cả ba cháu, anh Th cũng nhất trí với ý kiến của chị H để các cháu ổn định việc học tập, bản thân cháu Nh cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy sẽ giao cho chị H tiếp tục được nuôi dưỡng cả ba con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh Th đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đông một cháu một tháng, anh Th cũng đồng ý. Xét đây là sự tự nguyện của anh Th nên được chấp nhận. Nếu anh Th không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Anh Th được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, anh Th phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 147, Điều 189, Điều 195, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Tạ Văn Th.

2. Về con chung: Giao các cháu Tạ Trần Yến Nh, sinh ngày 04/10/2009, Tạ Tiến Đ, sinh ngày 12/9/2013, Tạ Tiến S, sinh ngày 12/6/2015 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Tạ Văn Th đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng, một cháu, một tháng. Thời điểm đóng góp từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Th được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị H có đơn thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu anh Th không chịu thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000438 ngày 06/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Tạ Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TPH;
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- THA dân sự TP H;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý